TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN LIÊN CHIỂU-TP ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **30**/2018/QĐST-HNGĐ	*Liên Chiểu, ngày 29 tháng 3 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Ξ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 24/2018/HNGĐ/ST ngày 17 tháng 01 năm 2018, giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị T** - sinh năm: 1985;
- *Bị đơn:* Ông **Phạm L** - sinh năm: 1978;

Cùng địa chỉ: Tổ 20, phường H, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81 và Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 03 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 03 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Nguyễn Thị T - sinh năm: 1985 và ông Phạm L - sinh năm: 1978. Cùng địa chỉ: Tổ 20, phường H, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị T và ông Phạm L.

- *Về quan hệ con chung:* Các bên đương sự xác nhận có 01 (một) con chung và thỏa thuận như sau:

Bà Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Phạm Như Ý - sinh ngày: 18/5/2015 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, ông L cấp dưỡng tiền nuôi con

mỗi tháng 1.000.000 đồng (một triệu đồng), thời gian thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng tính từ ngày 21 tháng 3 năm 2018.

Quyền và lợi ích đối với con chung các bên đương sự được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Phạm L không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng số tiền như đã thỏa thuận nêu trên thì còn phải trã lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất do các bên thỏa thuận được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Các bên đương sự cùng xác nhận không có tài sản chung, không có nợ chung.

- *Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:* 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) bà Nguyễn Thị T tự nguyện nộp nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) do bà T đã nộp theo biên lai số 0000911 ngày 17/01/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng. Như vậy, bà T được hoàn trả lại số tiền 150.000đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*), (bà T đã nộp đủ tiền án phí).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 06, 07 và 09 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND quận Liên Chiểu;
- CCTHADS quận Liên Chiểu;
- UBND xã Lộc Điền, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Sở Tư pháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Hoài Sơn